TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HSST
Ngày 25 tháng 11 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***: Ông Nguyễn Ánh Dương

* ***Các Hội thẩm nhân dân***:

1. Ông Nguyễn Văn K .
2. Ông Đào Xuân Hải .

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ – K sát viên .

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 60/2019/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2019 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2019/HSST- QĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

**** Họ và tên: Mai Văn T, sinh ngày 19/01/1999***

- Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam
- Nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện T, tỉnh B;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ;
- Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12;
- Họ và tên cha: Mai Xuân N - sinh năm 1975;
- Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L - sinh năm 1973;
- Vợ, con: Chưa có.
- Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai;
- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/8/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

- Chị Lý Thị T- sinh năm 1993 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh B.

- Anh Thân Đức A- sinh năm 1992 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Chủ doanh nghiệp tư nhân vàng bạc Đức Thịnh

Địa chỉ: Số nhà 82, phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh B

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1961 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn Yên Tập Bến, xã Yên Lư, huyện Y, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị PH L- sinh năm 1963(Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Số nhà số nhà 82, phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

- Anh Mai Xuân N- sinh năm 1975 (Có mặt tại phiên tòa)

- Chị Nguyễn Thị L- sinh năm 1973 (Có mặt tại phiên tòa)

Đều trú tại: Thôn S, xã N, huyện T, tỉnh B.

- Anh Phí Văn H, sinh năm 1993 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1969 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Thành D, sinh năm 1992 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh B

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987 (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1968 (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Đều trú tại: Phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh B

- Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1994 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn Đình, xã C, huyện T, tỉnh B

- Chị Nguyễn Thị Ty, sinh năm 1955 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn Cầu Trại 1, xã Việt Ngọc, huyện T, tỉnh B

- Bà Nguyễn Thị K- sinh năm 1973 (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Anh Nguyễn Văn K- sinh năm 1999 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Đều trú tại: Thôn S, xã N, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 27/8/2019, Mai Văn T- sinh năm 1999 trú tại thôn S, xã N, huyện T, tỉnh B một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển K soát 98K8- 4358 đi từ nhà lên thị trấn C, huyện T với mục đích

đi trên đường xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng bánh mỳ L Định ở Phố M, thị trấn C, huyện T, T để xe mô tô ở ngoài cửa của cửa hàng bánh mì, sau đó đi bộ sang cửa hàng vàng bạc Đức Thịnh của gia đình anh Thân Đức A- sinh năm 1992 ở số nhà số nhà 82, phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh B, cách chỗ T để xe mô tô khoảng 20 mét. Khi T vào trong cửa hàng vàng bạc Đức Thịnh, T gặp bà Nguyễn Thị PH L- sinh năm 1963 là mẹ đẻ của anh Thân Đức A ở cùng địa chỉ với anh Thân Đức A là người đang trông coi và bán hàng. T nói với bà L "Cho cháu xem vàng" sau đó T tiếp tục nói "Cho cháu xem cái kiềng" đồng thời T chỉ tay vào cái kiềng đeo cổ màu vàng hình tròn để trong tủ kính. Bà L lấy chiếc kiềng đeo cổ, hình tròn bằng vàng 24k, trọng lượng 03 chỉ cho T xem. Sau khi xem xong, T và bà L thỏa thuận giá chiếc kiềng đeo cổ 03 chỉ bằng vàng 24K là 13.120.000 đồng (gồm giá vàng là 4.240.000 đồng/1 chỉ, và tiền công 400.000 đồng). T đồng ý mua chiếc kiềng 03 chỉ và bảo bà L cho vào hộp. Bà L lấy một chiếc hộp hình tròn, màu đỏ cho chiếc kiềng vào, đồng thời viết hóa đơn đưa lại cho T, T cầm hóa đơn và bảo bà L "Nhà cô có thanh toán tiền qua thẻ không" bà L bảo có nhưng ra ngoài cây rút tiền cho nhanh. T đi ra cửa, thấy lúc này ngoài trời mưa to, bà L thấy T đi ra cửa nên bà L để chiếc hộp đựng chiếc kiềng vàng mà T hỏi mua lên mặt tủ phía trong quầy bán hàng rồi ra phía sau nhà đóng cửa. Khi thấy bà L đi khuất vào bên trong. Thấy bà L sơ hở, T vào trong cửa hàng của gia đình bà L, với tay qua tủ kính lấy chiếc hộp đựng màu đỏ đựng 03 chỉ vàng ở trên mặt tủ kính phía trong tủ bán hàng và và đi ra cửa. Lúc này bà L đi ra phát hiện thấy T cầm chiếc hộp đựng chiếc kiềng vàng đang đi ra cửa nên bà L đã hô "Cướp, cướp" đồng thời bà L chạy ra cửa thấy T cầm chiếc hộp đựng chiếc kiềng màu vàng bỏ chạy về phía Nhà văn hóa phố M, thị trấn C, huyện T; Trong quá trình bỏ chạy, T đánh rơi chiếc hộp đựng kiềng màu vàng ở khu vực cổng Nhà văn hóa phố M, còn chiếc kiềng vàng T cầm ở tay và bỏ chạy. Khi chạy đến sau nhà Văn hóa phố M T đánh rơi chiếc kiềng vàng. Thấy bà L hô cướp, quần chúng nhân dân đã đuổi theo T đồng thời điện báo công an huyện T. Khi T chạy đến khu đô thị An Huy thì bị quần chúng nhân dân phối hợp với lực lượng Công an huyện T bắt quả tang Mai Văn T về hành vi "Trộm cắp tài sản". Công an huyện T tiến hành truy tìm và thu giữ tại phía sau nhà Văn hóa phố M: 01 (một) chiếc kiềng, hình tròn màu vàng bị gãy làm 04 (bốn) đoạn.

Quá trình đuổi bắt Mai Văn T, anh Nguyễn Thành D- sinh năm 1992 trú tại phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh B phát hiện thấy 01 chiếc hộp hình tròn mầu đỏ đã qua sử dụng ở khu vực cổng Nhà văn hóa phố M, thị trấn C nên D đã mang trả lại cho bà Nguyễn Thị PH L. Cùng ngày 27/8/2019 bà L đã giao nộp chiếc hộp này cho Cơ quan điều tra Công an huyện T.

Sau khi Mai Văn T bị bắt quả tang bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1969, trú tại phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh B thấy ở hành Lg cửa hàng bánh mì L Định có 01 xe mô tô biển K soát 98K8 – 4358, bên trong cốp xe có 01 đăng ký xe mang tên Mai Xuân N- sinh năm 1975 trú tại thôn S, xã N, huyện T, tỉnh B, 01 kìm kim loại,

05 cờ lê, bà H nghi là tài sản của Mai Văn T nên đã giao nộp chiếc xe mô tô cùng toàn bộ giấy tờ tài sản trong cốp xe cho Cơ quan điều tra.

Cùng ngày 27/8/2019, anh Thân Đức A có đơn trình báo gửi Cơ quan điều tra Công an huyện T.

Ngày 28/9/2019, Cơ quan canh sát điều tra Công an huyện T trưng cầu giám định Viện khoa học hình sự Bộ Công an tiến hành giám định 01 (một) chiếc vòng (kiềng) màu vàng bị gãy làm 04 (bốn) đoạn có phải là vàng không, loại vàng gì, có trọng lượng là bao nhiêu?

Tại Kết luận giám định số 5018/C09-P4 ngày 30/8/2019 của Viện khoa học hình sự- Bộ công an kết luận: 01 (một) chiếc vòng (kiềng) màu vàng bị gãy làm 04 (bốn) đoạn được chế tác dạng vòng rỗng, bên trong có gắn xi gửi giám định có tổng khối lượng (tính cả xi) 34,27 gam đều là vàng (Au0, hàm lượng trung bình Au: 99,63%.

Ngày 31/8/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá 01 chiếc vòng (kiềng) đeo cổ bằng vàng 03 chỉ, loại 24K trị giá tại thời điểm 15 giờ 20 phút ngày 27/8/2019 trị giá bao nhiêu tiền?

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự 32/KL-ĐGTS ngày 10/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá: 01 (một) chiếc vòng (kiềng) đeo cổ bằng vàng loại 24K, hàm lượng trung bình Au 99,63 %, có thiết kế làm từ 03 chỉ vàng 24K thổi thành hình tròn rỗng giữa sau đó được đổ sáp (xi) vào trong tạo thành vòng (kiềng) đeo cổ tại thời điểm 15 giờ 30 phút ngày 27/8/2019 có giá 13.120.000 đồng (Mười ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn); 01 (một) hộp đựng kiềng vàng, mầu đỏ, hình tròn, đường kính 19 cm đã qua sử dụng không định giá do chiếc hộp được tặng kèm theo khi mua vàng.

Quá trình điều tra, Mai Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, Mai Văn T còn khai nhận vào ngày 14/8/2019 T còn có hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô tại Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, cụ thể như sau:

Khoảng 07 giờ, ngày 14/8/2019, Mai Văn T đi vào Công ty TNHH DAEHAN thuộc khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh B với mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đến nơi, T đi qua cổng bảo vệ rồi đi thẳng vào trong nhà để xe của Công ty, tại đây T nhặt được 01 (một) chiếc vé xe mô tô, rồi nhặt mẩu phấn dưới nền sân tại khu vực trước cửa nhà để xe, đồng thời T quan sát xung quanh không có ai để ý nên T đi đến chiếc xe AIRBLADE, mầu đỏ- đen có biển K soát 98B2- 614.36 của chị Lý Thị T- sinh năm 1993, trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh B, T dùng tay xóa số viết bằng phấn trắng trên yên xe rồi dùng mẩu phấn vừa nhặt được viết số trên vé xe nhặt được vào yên xe mô tô của chị T. Sau khi viết xong, T dắt xe mô tô ra cổng đến

khu vực bảo vệ, T đưa vé xe cho bảo vệ rồi đẩy xe ra ngoài cổng Công ty, T thuê một người xe ôm không quen biết đẩy xe mô tô vừa trộm cắp được đến một quán sửa xe mô tô T không biết tên, tuổi, địa chỉ ở khu vực huyện Việt Yên, T gửi xe tại quán sửa xe để thay ổ khóa điện. Đến chiều ngày 15/8/2019, T đến cửa hàng sửa xe trả tiền thay khóa và điều khiển xe mô tô về nhà bà Nguyễn Thị K- sinh năm 1973 (ở cùng thôn với T) để xe mô tô ở nhà bà Khiêm. Đến chiều ngày 16/8/2019, T đến nhà bà Khiêm lấy xe mô tô mang về nhà và nói với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L- sinh năm 1973 là xe mô tô T mượn của anh bạn cùng làm để đi ăn cỗ. Vài ngày sau T nói với mẹ do chủ xe mô tô cần tiền muốn bán và bảo bà L mua cho T nhưng bà L không đồng ý nên T lại mang xe mô tô sang nhà bà K bảo bà K mua giúp với giá rẻ để cho con trai bà K là Nguyễn Văn K- sinh năm 1999 (ở cùng thôn với T) đi nhưng bà K không mua nên T lại mang xe mô tô mang về nhà. Đến ngày 27/8/2019, sau khi T bị bắt quả tang về hành vi trộm cắp tài sản tại phố M, thị trấn C, huyện T thì bà L có mở cốp xe mô tô ra K tra thì phát hiện bên trong cốp xe có 01 chiếc ví da màu đen, trong ví có đăng ký xe mô tô 98B2- 614.36, chứng minh thư nhân dân mang tên Lý Thị T và có ghi số điện thoại của chị T nên bà L gọi điện thoại cho chị T hỏi về nguồn gốc chiếc xe mô tô trên thì được chị T cho biết chiếc xe đã bị trộm cắp nên Bà L cho chị T địa chỉ và hẹn chị T đến nhà bà L nhận lại xe mô tô. Đến ngày 02/9/2019, sau khi nhận lại xe mô tô chị T mang chiếc xe mô tô trên đến Công an huyện Việt Yên trình báo và giao nộp chiếc xe mô tô biển K soát 98B2- 614.36 cho Công an huyện Việt Yên để điều tra làm rõ.

Ngày 04/9/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Việt yên yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên định giá chiếc xe mô tô biển K soát nhãn hiệu Honda AIRBLADE, mầu đỏ- đen biển K soát 98B2- 614.36 ; 01 chiếc ví da trị giá bao nhiêu tiền?

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự 85/HĐĐG ngày 10/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên định giá: 01 chiếc xe mô tô Honda AIRBLADE, mầu đỏ- đen, biển K soát 98B2- 614.36 trị giá 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng chẵn); 01 ví da màu đen trị giá 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng chẵn). Tổng giá trị tài sản định giá là 25.020.000 đồng (Hai mươi năm triệu không trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

Ngày 25/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Mai Văn T về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 07/10/2019 Viện K sát nhân dân huyện Việt Yên ra Q định chuyển vụ án hình sự đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T để điều tra theo thẩm quyền.

Đối với người xe ôm T nhờ đẩy xe mô tô 98B2- 614.36 cho T, T không biết tên tuổi, địa chỉ của người này cũng như cửa hàng sửa xe mô tô ở khu vực huyện Việt Yên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh , do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý đối những người này.

Quá trình bỏ chạy Mai Văn T khai bị một số người dân đánh gây tH tích nhưng T không xác định được ai đánh, bàn thân những người tham gia đuổi bắt T đều không thừa nhận đánh T gây tH tích. Mặt khác do bị tH nhẹ nên T không có yêu cầu, đề nghị gì và từ chối giám định nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển K soát 98K8- 4358, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Mai Xuân N, 01 kìm kim loại, 05 cờ lê. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Mai Xuân N, sinh năm 1975 ở thôn S, xã N, huyện T là bố đẻ của T. Anh N để xe mô tô ở nhà T tự ý lấy xe mô tô làm pH tiện để đi trộm cắp tài sản nhưng anh N không biết nên anh N không vi phạm pháp luật. Ngày 07/11/2019, Viện K sát nhân dân huyện T đã ra Q định xử lý vật chứng, trả lại những tài sản trên cho anh Mai Xuân N.

Đối với bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, anh Mai Xuân N, anh Nguyễn Văn K không biết việc Mai Văn T để xe mô tô 98B2- 614.36 ở nhà mình là xe do T phạm tội mà có nên bà L, bà K, anh N và anh K không vi phạm pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô biển K soát 98B2- 614.36, 01 chiếc ví da màu đen, 01 đăng ký xe mô tô 98B2- 614.36, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lý Thị T là tài sản của chị T nên ngày 27/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đã trả lại những tài sản trên cho chị Lý Thị T quản lý sử dụng. Đối với chiếc ổ khóa điện của xe mô tô 98B2- 614.36 đã bị T thay, chị T không có yêu cầu đề nghị gì đối với chiếc ở khóa này. Đến nay chị T không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Mai Văn T.

Đối với chiếc vòng (kiềng) đeo cổ bằng vàng và chiếc hộp đựng kiềng vàng, mầu đỏ, hình tròn, đường kính 19 cm là tài sản của anh Thân Đức A nên ngày 31/8/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại những tài sản trên cho anh Thân Đức A quản lý, sửu dụng. Còn đối với phần còn thiếu của chiếc vòng (kiềng) đeo cổ bằng vàng trong khi T cầm bỏ chạy T đã đánh rơi mất ở khu vực Nhà văn hóa phố M, thị trấn C, huyện T. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không thấy. Quá trình điều tra T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho gia đình anh Thân Đức A. Gia đình anh Thân Đức A đã có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Mai Văn T.

Quá trình điều tra, truy tố Mai Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên".

Bản Cáo trạng số: 57/CT-VKS, ngày 08/10/2019 Viện K sát nhân dân huyện T truy tố Mai Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện K sát nhân dân huyện T giữ nguyên Q định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ

hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 01 Điều 52; Điều 38 của BLHS. Xử phạt: Bị cáo Mai Văn T 14 tháng đến 16 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/8/2019.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải Q.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Mai Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, Q định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện K sát nhân dân huyện T, K sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, T tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Trong hai ngày 14/8/2019 và ngày 27/8/2019, Mai Văn T đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Việt Yên và huyện T, tỉnh B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 14/8/2019, tại Công ty TNHH DAEHAN thuộc khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh B; Mai Văn T đã trộm cắp 01 xe mô tô Honda AIRBLADE, mầu đỏ- đen, biển K soát 98B2- 614.36 bên trong cốp xe có 01 ví da màu đen, tổng giá trị tài sản là 25.020.000 đồng và 01 đăng ký xe mô tô Biển K soát 98B2- 614.36; 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên chị Lý Thị T của chị Lý Thị T.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/8/2019, tại cửa hàng vàng bạc tư nhân Đức Thịnh của anh Thân Đức A, Mai Văn T đã trộm cắp 01 chiếc vòng (kiềng) đeo cổ bằng vàng loại 24K, hàm lượng trung bình Au 99,63 %, có thiết kế làm từ 03 chỉ vàng 24K thổi thành hình tròn rỗng giữa sau đó được đổ sáp (xi) vào trong tạo thành vòng (kiềng) đeo cổ của anh Thân Đức A trị giá 13.120.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo Mai Văn T phù hợp với: Bản tường trình, Bản tự khai, Bản K điểm và lời khai của bị cáo Mai Văn T, phù hợp đơn trình báo, lời khai của các bị hại chị Lý Thị T và anh Thân Đức A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Mai Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội

“Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện K sát nhân dân huyện T và kết luận của K sát viên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng đến an N trật tự xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa pH và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy hành vi của bị cáo cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Cần xử phạt tù với thời hạn nhất định đối với bị cáo Mai Văn T để bị cáo biết tuân T pháp luật và có điều kiện tu D rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của vị đại diện Viện K sát là có cơ sở.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng điểm g khoản 01 Điều 52 của BLHS.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Sau khi phạm tội bị cáo T tác động đến mẹ đẻ là bà L bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị hại có đơn xin giảm nhẹ và miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên, bị cáo Mai Văn T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, Điểm i, Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS.

Bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 173 BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe mô tô biển K soát 98B2-614.36, 01 chiếc ví da màu đen, 01 đăng ký xe mô tô 98B2- 614.36, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lý Thị T là tài sản của chị T nên ngày 27/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đã trả lại những tài sản trên cho chị Lý Thị T. Đối với chiếc ổ khóa điện của xe mô tô 98B2- 614.36 đã bị T thay, chị T không có yêu cầu đề nghị gì đối với chiếc ổ khóa này. Đến nay chị T không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

Đối với chiếc vòng (kiềng) đeo cổ bằng vàng và chiếc hộp đựng kiềng vàng, mầu đỏ, hình tròn, đường kính 19 cm là tài sản của anh Thân Đức A nên ngày 31/8/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại những tài sản trên cho anh Thân Đức A. Còn đối với phần còn thiếu của chiếc vòng (kiềng) đeo cổ bằng vàng trong khi T cầm bỏ chạy T đã đánh rơi mất ở khu vực Nhà văn hóa phố M, thị trấn C, huyện T. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không thấy. Quá trình điều tra T đã tác động bà L là mẹ đẻ bồi thường thiệt hại 4.200.000đồng cho anh Thân Đức A. Nay anh Thân Đức A không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

Đối với ông Nguyễn Văn N là bảo vệ nơi bị cáo Mai Văn T trộm cắp 01 xe mô tô Honda AIRBLADE, mầu đỏ- đen, biển K soát 98B2- 614.36 của chị Lý Thị

T. Sau khi mất xe mô tô này thì chị T không yêu cầu hoặc đề nghị gì đối với ông N nên không đặt ra xem xét.

Đối với người xe ôm T nhờ đẩy xe mô tô 98B2- 614.36 cho T, T không biết tên tuổi, địa chỉ của người này cũng như cửa hàng sửa xe mô tô ở khu vực huyện Việt Yên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh , do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý đối những người này.

Quá trình bỏ chạy Mai Văn T khai bị một số người dân đánh gây tH tích nhưng T không xác định được ai đánh, bản thân những người tham gia đuổi bắt T đều không thừa nhận đánh T gây tH tích. Mặt khác do bị tH nhẹ nên T không có yêu cầu, đề nghị gì và từ chối giám định nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển K soát 98K8- 4358, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Mai Xuân N, 01 kìm kim loại, 05 cờ lê. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Mai Xuân N là bố đẻ của T. Anh N để xe mô tô ở nhà T tự ý lấy xe mô tô làm pH tiện để đi trộm cắp tài sản nhưng anh N không biết nên anh N không vi phạm pháp luật. Ngày 07/11/2019, Viện K sát nhân dân huyện T đã ra Q định xử lý vật chứng, trả lại những tài sản trên cho anh Mai Xuân N là đúng.

Đối với bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K, anh Mai Xuân N, anh Nguyễn Văn K không biết việc Mai Văn T để xe mô tô 98B2- 614.36 ở nhà mình là xe do T phạm tội mà có nên bà L, bà K, anh N và anh K không vi phạm pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, Điểm i, Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 01 Điều 52; Điều 38 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Mai Văn T 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/8/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải Q.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Mai Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- TAND Tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cụcTHADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- L Hs, Vp.

Nguyễn Ánh Dương